

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/ HNGĐ – ST
Ngày: 22-8- 2017
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Ngô Đình Bảo Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 126/2017/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017. Về: “Tranh chấp ly hôn ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 13/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ung Thị B - Sinh năm 1964.

Bị đơn : Lê Thanh T – Sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/02/2017 và tại biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Ung Thị B trình bày: Vào khoảng năm 1985 bà với ông T về chung

sống với nhau không tổ chức cưới hỏi, do không hiểu biết pháp luật nên cũng không đi đăng ký kết hôn. Về chung sống với nhau được gần 02 năm thì bà sinh đứa con đầu vào năm 1987. Việc về chung sống với nhau là do tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 01 năm. Khi về chung sống với nhau vợ chồng sống chung với gia đình ông T ở xã H1 được khoảng 5 tháng thì ra ở riêng. Đến năm 2003 thì vợ chồng về xã H cất nhà trên đất cha mẹ bà cho để ở. Vợ chồng chung sống với nhau được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về kiếm chuyện đánh đập bà, ông T không có trách nhiệm gì với gia đình suốt ngày lo đi chơi, không lo làm ăn. Đến khoảng năm 2006 bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà bỏ nhà đi xuống thành phố P đi làm thuê cho người ta. Trong thời gian bà đi thì thỉnh thoảng bà có về nhà, cũng có gặp ông T nhưng vợ chồng không nói chuyện gì với nhau, ông T cũng không liên lạc gì với bà để hàn gắn tình cảm, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Quốc D – sinh năm 1987; Lê Quốc T – sinh năm 1989; Lê Quốc H – sinh năm 1993; Lê Thị Thu T – sinh năm 1995. Hiện nay các con đã trưởng thành và có thể tự lo được cho mình, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và nợ: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của ông T để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông T cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, ông T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về Hôn nhân giữa bà B với ông T chung sống với nhau vào năm 1986, không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên căn cứ theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của ông bà vẫn được pháp luật công nhận. Hiện nay ông bà đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, bà B yêu cầu ly hôn là hoàn toàn có căn cứ phù hợp, đúng pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Riêng về vấn đề con chung, các con đã trưởng thành, tự lo cho bản thân bà B không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Đối với tài sản bà B không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật: Bà B yêu cầu được ly hôn với ông T. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Ông T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

2/ Về nội dung: Bà Ung Thị B và ông Lê Thanh T chung sống như vợ chồng với nhau vào 1986, không có đi đăng ký kết hôn. Nhưng theo quy định của pháp luật tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy Hôn nhân của vợ chồng ông bà tuy là không đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã chung sống với nhau từ năm 1986, nên được pháp luật công nhận. Vợ chồng ông bà chung sống với nhau đến nay đã được hơn 20 năm. Nhưng theo bà B thì trong cuộc sống ông T luôn đối xử không tốt với bà, ông T không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và yêu cầu được ly hôn ông T. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để hòa giải, nhưng ông T cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tình cảm giữa bà B và ông T không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của bà B là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Quốc D – sinh năm 1987; Lê Quốc T – sinh năm 1989; Lê Quốc H – sinh năm 1993; Lê Thị Thu T – sinh năm 1995. Hiện nay các con đã trưởng thành và có thể tự lo được cho mình bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản và nợ: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Ung Thị B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, 73, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Ung Thị B. Bà Ung Thị B được ly hôn ông Lê Thanh T.

2/ Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về Án Phí: Bà Ung Thị B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà B đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011838 ngày 05/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Nơi nhận:

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

